

ĐỒ HOẠ TRANG TRÍ

Lĩnh vực nghệ thuật đồ họa rộng lớn, ở đây họa sĩ có thể khai thác mọi đường nét, màu sắc và các yếu tố phụ trợ khác để tăng tính hấp dẫn, mỹ quan, gợi cảm cho vật phẩm hay công trình có chức năng riêng. Trong xã hội hiện đại, ĐHTT có mặt khắp nơi, có thể quy vào mấy nhóm chính

- 1) Đồ họa ấn loát: chi phối hình thức toàn bộ các ấn phẩm như sách báo, tạp chí, quảng cáo và bao bì thương mại, áp phích văn hoá, xã hội, chính trị, cho đến ấn phẩm tinh vi có kích thước nhỏ như tem thư, tiền giấy, vv. (xt. **Đồ họa ấn loát**).
- 2) Đồ họa công nghiệp: gắn bó hữu cơ với nghệ thuật dizai (xt. **Đồ họa công nghiệp**).
- 3) Đồ họa hàng dệt: bao gồm từ mẫu in, dệt hay thêu hoa cho vải, lụa, gấm, vóc đến mẫu vẽ may mặc, thời trang.
- 4) Đồ họa sân diễn: tạo dựng bối cảnh diễn xuất (kể cả màu sắc, ánh sáng), trang phục và đạo cụ cho sân khấu, điện ảnh và các nghệ thuật trình diễn khác (tạp kỹ, ca múa, xiếc...).
- 5) Đồ họa gốm sứ: chế kiểu và trang trí đồ gốm từ vật dụng hằng ngày đến gốm kiến trúc và panô hoành tráng, vv. Xt.

Nghệ thuật trang trí.

HÌNH TRANG TRÍ:

hình dùng để tô điểm làm đẹp thêm một công trình kiến trúc, một vật dụng trong đời sống hằng ngày của con người. Phạm vi ứng dụng của trang trí rất rộng, có thể nói tất cả các sản phẩm do con người làm ra đều có HTT. Có hai loại: HTT hình học và HTT lấy mẫu trong tự nhiên có cách điệu hoá (nghệ thuật Đông Sơn có sự kết hợp chặt chẽ cả hai loại HTT này). Chữ viết cũng được dùng làm hình trang trí, đặc biệt trong [nghệ thuật Hồi giáo](#).

DỰNG HÌNH

phác họa hình người hay vật trong nghệ thuật tạo hình, để có cái nhìn tổng thể trước khi đi vào bộ phận chi tiết.

Biểu trưng (Tiếng Anh là emblem, tiếng Pháp embleme)

Những ký hiệu và hình ảnh tượng trưng biểu thị một đối tượng hoặc một ý niệm nào đó. Nó có chức năng truyền tải thông tin thị giác.

Ứng dụng: phổ biến trong đời sống xã hội gắn với Các chức năng chính: thẩm mỹ, thực dụng (kỹ thuật, kinh tế), chức năng sử dụng.

Ngôn ngữ nghệ thuật của biểu trưng: tính ẩn dụ, hàm súc, độc đáo, trang trọng, biểu cảm, thời đại.

Việc nghiên cứu và sáng tạo cần nắm những đặc thù của nó thì mới mang lại hiệu quả cao.

Bố cục (composition)

Sự sắp xếp kích thước và tương quan của ngôn ngữ nghệ thuật (hình khối, màu sắc, đường nét, chất liệu,..) trong một tác phẩm làm rõ ý đồ sáng tác.

Khái niệm bố cục được sử dụng phổ biến trong nhiều lĩnh vực nghệ thuật khác nhau.

Bút pháp (facture)

cách thức sử dụng ngôn ngữ tạo hình của người vẽ tạo nên sự độc đáo riêng trong tác phẩm.

Bút pháp là một thành tố của phong cách style.

Bút pháp nhấn mạnh ở khía cạnh thực hành của người vẽ, cá tính của người vẽ

Thủ pháp

cách thức, giải pháp xử lý một vấn đề về nghệ thuật hoặc kĩ thuật.

BÚT PHÁP

1. Chỉ phong cách viết chữ Hán thể hiện trong nét bút (đậm, nhạt, cứng cáp, mềm mại), trong kết cấu chữ (cổ kính, bay bướm, khoáng đạt). Mỗi thư pháp gia bậc thầy đều có BP riêng [Vương Hy Chi (Wang Xizhi), Tô Đông Pha (Su Dongpo)].

2. Chỉ cách sử dụng ngôn ngữ của nhà văn, nhà thơ, bộc lộ cá tính sáng tạo của họ. Về hội họa, điêu khắc, BP chỉ cách nghệ sĩ sử dụng ngôn ngữ tạo hình (bút lực), thể hiện ở đường nét, màu sắc, hình khối, ánh sáng trong tác phẩm nghệ thuật. Nói chung, các nghệ sĩ có bản lĩnh đều có BP riêng, càng độc đáo càng được ngưỡng mộ.

Phong cách nhấn mạnh ở khía cạnh tinh thần, có tính chất quyết định bút pháp.

Phong cách còn là tổng hòa các phẩm chất chung nhất ở một tác giả, một trường phái, thời kỳ lịch sử, quốc gia, thị hiếu, ... hoặc của một loại hình nghệ thuật.

Cách điệu (Tiếng anh là stylization; tiếng pháp là stylisation)

Sự chắt lọc những nét đặc trưng nhất của sự vật hiện tượng hoặc con người từ hiện thực được người vẽ tái sắp xếp, cường điệu hóa: đường nét, màu sắc, chi tiết,... đến mức tượng trưng.

Chất liệu (Tiếng anh là material, tiếng pháp materiel)

Phương tiện vật chất chủ yếu để xây dựng, thể hiện tác phẩm.

Vd:

Mỹ thuật ứng dụng (Tiếng anh : applied art, tiếng pháp: art appliqué)

Mỹ thuật công nghiệp (Tiếng anh: industrial art; pháp : art industrial)

Mỹ thuật (tiếng anh: fine arts; pháp: beaux arts)

Mỹ nghệ (a: craft, p: artisanat)

Mỹ học (anh: aesthetics, pháp: esthetique)

Là môn khoa học nghiên cứu có tính lý thuyết về nhận thức và thưởng thức cái đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật và trong xã hội.

Trang trí: anh: decoration

Nghệ thuật làm đẹp phục vụ cho đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Giá trị thẩm mỹ và giá trị thực dụng là hai yếu tố nổi bật của sản phẩm trang trí.

Tranh trang trí: decorative painting

Tính chất phẳng, 2D là phẩm chất đáng chú ý của tranh trang trí.

Tranh trang trí chú trọng đến nét, mảng, bút pháp, hình tượng cách điệu và trao chuốt.

Màu sắc tươi, trong sáng.

Nhờ sự tương phản phong phú của các yếu tố tham gia vào: màu, hình, sắc độ,... tạo không gian trang trí.

tranh trang trí thường được sáng tạo phục vụ cho nhu cầu và mục đích sử dụng cụ thể.

Họa tiết trang trí:

Hình vẽ trong trang trí. Hình thể rõ ràng, dứt khoát và độc đáo

Bố cục trang trí là sự kết hợp của nhiều lớp họa tiết: to – nhỏ, đơn giản – phức tạp, có nội dung và hình thức độc đáo trong một tổng thể hài hòa.

BỐ CỤC TRANG TRÍ

I. Khái niệm về bố cục trang trí :

B

Ố cục trang trí là sự sắp xếp các yếu tố trang trí như hình mảng, đường nét, đậm nhạt, màu sắc theo những qui tắc của trang trí, phù hợp với từng thể loại trang trí góp phần tạo ra những sản phẩm trang trí có giá trị thẩm mỹ phục vụ cho nhu cầu tinh thần ngày một cao của con người.

Muốn hoạt động sáng tạo nghệ thuật tốt thì cần phải hiểu biết và nắm vững các qui luật sáng tạo. Vì vậy việc học tập nghiên cứu các qui luật, các qui tắc bố cục trang trí cũng như các qui tắc bố cục hội họa là một yêu cầu tất yếu khách quan đối với người học tập mỹ thuật .

II. Một số nguyên tắc bố cục trang trí :

1- Nguyên tắc tương phản trong trang trí:

Trong trang trí nguyên tắc tương phản luôn được sử dụng để tạo cho trang trí có sự đa dạng phong phú để làm nổi phần nào, mảng nào trong bố cục : Có nghĩa là các yếu tố có tính chất đối lập nhau luôn được khai thác trong trang trí để cái nọ tôn cái kia lên. Chẳng hạn như :

- Về hình mảng: Muốn rõ mảng to phải có mảng nhỏ để so sánh thấy được tương quan.

- Về đậm nhạt: Muốn làm nổi mảng sáng phải có mảng tối.

- Về đường nét: Để thay đổi sự đơn điệu của nhiều đường nét cong cần có nét xiên, nét gấp khúc.

- Về hình thể: Bên cạnh mảng vuông cần có mảng tròn, mảng tam giác, quả trám, các mảng đa giác khác...

- Về màu sắc : Để làm nổi phần nào, ý nào dùng tương phản về nóng lạnh của màu hoặc tương phản về sắc độ của nhau .

2- Nguyên tắc cân đối trong trang trí:

Đây là một nguyên tắc hết sức cơ bản trong trang trí. Nó có ý nghĩa là sự sắp xếp hài hòa, hợp lí giữa các mảng với tổng thể không có mảng quá to phá vỡ khung hình định trang trí, hoặc quá nhỏ làm bố cục bị lỏng lẻo, vụn vặt. Sự cân đối có nghĩa là các mảng, các họa tiết, các độ đậm nhạt và màu sắc phải được bố trí cân bằng làm cho mắt người xem được dẫn đi hết diện tích được trang trí không có sự bố trí bị lệch hoặc bị dồn vào một phía.

* **Tóm lại** : Nguyên tắc về sự tương phản và sự cân đối trong trang trí là hai nguyên tắc có tính chung nhất có thể áp dụng cho mọi thể loại trang trí. Nguyên tắc tương phản làm đa dạng, phong phú cho trang trí. Qui tắc cân đối giữ cho bố cục có sự thăng bằng hài hòa. Một bài trang trí đẹp là đảm bảo được những nguyên tắc đó.

3-Một số hình thức thường được sử dụng trong bố cục trang trí.

Hình thức nhắc lại là hình thức sử dụng một họa tiết vẽ lặp lại nhiều lần trong những khoảng cách đều đặn tạo nên một nhịp điệu hoặc đối xứng nhau tạo ra sự thăng bằng.

Hình thức xen kẽ là sử dụng nhiều họa tiết vẽ cái nọ xen lẫn với cái kia tạo ra sự phong phú vui mắt.

Hình thức đối xứng là sử dụng các họa tiết, các mảng màu giống nhau vẽ đối diện với nhau qua một trục (hoặc nhiều trục) . Cũng có thể dùng các họa tiết khác nhau nhưng có cùng một kích thước, một hình dáng (nhìn đại thể thì giống nhau, nhưng chi tiết thì khác nhau).

III. Yêu cầu bố cục về một bài trang trí :

Để có một bố cục trang trí đẹp khi sắp xếp cần đảm bảo một số yêu cầu chính sau đây :

1 – Về phân bố hình mảng:

a- Phân bố hình mảng phải cân đối có trọng tâm để làm nổi ý đồ của bố cục và để tập trung sự chú ý của người xem .

b- Hình mảng cần có sự đa dạng về kích thước và hình thể.

c- Bố trí mảng đặc cần quan tâm đến mảng trống

2- Về đường nét, họa tiết:

Đường nét trong trang trí có chức năng tạo ra họa tiết, làm phong phú các mảng, liên kết các mảng tạo sự nhịp nhàng uyển chuyển cho bố cục. Khi vẽ nét cần phối hợp nét đậm với nét thanh để có sự đa dạng về nét. Họa tiết dùng trong trang trí nhất thiết phải được nghiên cứu và vẽ từ các đối tượng có trong thực tế đã được đơn giản hóa hoặc được sáng tạo (cách điệu) .

Khi xây dựng họa tiết nên học tập tinh thần bố cục và sáng tạo họa tiết ở vốn cổ dân tộc vì đường nét của họa tiết cổ rất nhịp nhàng, cân đối .

3-Về phân bố đậm nhạt :

Phân bố đậm nhạt nghĩa là sử dụng tương phản của các độ đậm nhạt (chì, màu sắc...) để làm nổi phần chính, chi tiết chính và chìm đi chi tiết phụ không cần thiết, họa tiết có chỗ ẩn, chỗ hiện cho đẹp mắt.

Khi phân bố đậm nhạt nên sử dụng 3 sắc độ : Sáng, trung gian và đậm. Bắt đầu không nên dùng ngay độ đậm trước mà nên đi từ độ vừa, trên cơ sở đó mà nhấn mạnh và nhấn sáng ở những chỗ cần thiết theo ý đồ của người trang trí.

4-Về màu sắc trong trang trí :

Màu sắc làm cho sản phẩm trang trí có những sắc thái riêng đáp ứng nhu cầu tình cảm và sở thích của người sử dụng. Màu sắc rất hấp dẫn mọi người, mọi lứa tuổi.

Yêu cầu đầu tiên của màu sắc trong trang trí là sự hài hòa dù là rực rỡ hay êm dịu. Tiếp sau là có được nhiều hòa sắc để đáp ứng nhiều đối tượng.

IV. Phương pháp vẽ bài trang trí :

Trình tự tiến hành vẽ một bài trang trí như sau :

1- Nghiên cứu để nắm vững nội dung trang trí :

Nghiên cứu tìm hiểu nội dung , yêu cầu của bài trang trí .

2- Làm phác thảo đen trắng :

-Xác định khuôn khổ định trang trí.

-Tìm bố cục :

+Phân chia các khoảng,tìm các hình mảng cho đa dạng.

+Phân bố các độ đậm nhạt cho bố cục thêm chặt chẽ.

3- Tìm phác thảo màu :

Căn cứ vào các độ đậm nhạt của phác thảo đen trắng mà tìm màu để đảm bảo ý đồ bố cục ban đầu và chủ động khi vẽ đậm nhạt của màu . Màu sắc cần hài hòa theo gam màu chủ đạo gam màu nóng hoặc gam màu lạnh

4-Vẽ họa tiết :

Vẽ họa tiết sao cho vẫn đảm bảo được hình thể ban đầu của các mảng. Họa tiết cần được đơn giản và cách điệu, sắp xếp họa tiết có chính – phụ , có trọng tâm .

5-Thể hiện :

Can hình vẽ vào giấy định thể hiện .Thể hiện đúng tinh thần của phác thảo , cần chú ý rèn luyện kỹ năng tô màu sạch đẹp, khéo léo .

*** Cách điệu :**

Có thể nói cách điệu hoa lá là bước đầu biết sáng tác họa tiết trang trí dựa trên những ghi chép thật, là bước đầu bày tỏ quan niệm và ý thức trang trí của bản thân trên những hình vẽ hoa lá , chim thú. Biết khai thác cái đẹp và đẩy sâu cái đẹp lên mức điển hình. Đây là bước chuyển từ nhận thức thiên nhiên sang tư duy sáng tạo nhằm phục vụ và nâng cao cái đẹp . Sự tìm tòi sáng tạo phải luôn luôn gắn bó với nhau và khai thác thực tế thiên nhiên. Một họa tiết trang trí được đánh giá là đẹp khi nó vừa phản ánh được thực tế sự vật một cách chân thực sâu sắc, vừa có sự sáng tạo điển hình

*** Tóm lại :** Để xây dựng một họa tiết trang trí cần phải tiến hành như sau

- + Chọn những đối tượng có hình dáng đẹp, đơn giản.
- + Ghi chép để nắm được cấu trúc và đặc điểm của nó.
- + Đơn giản, sắp xếp lại cho cân đối, bỏ những chi tiết không cần thiết
- + Phát triển đường nét, hình dáng thêm phong phú, đa dạng phù hợp.

MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA VỀ “BIỂU TƯỢNG”

Biểu tượng (theo triết, giáo dục): là hình ảnh của sự vật lưu lại trong óc khi sự vật không còn tác động đến các giác quan nữa; hình thức cao nhất của sự phản ánh trực quan – cảm tính xuất hiện trên cơ sở tri giác. Khác với tri giác, BT không còn phản ánh rời rạc các thuộc tính của sự vật: sự vật được phản ánh dưới hình thức BT có tính chỉnh thể. BT là hình ảnh về vật trong đầu óc, ý thức, tư duy con người. Những BT của con người, khác với ở động vật, thường được bọc bằng một lớp vỏ ngôn ngữ và chứa nhiều yếu tố của sự phản ánh khái quát. BT là khâu trung gian giữa giai đoạn nhận thức cảm tính và giai đoạn nhận thức lí tính.

2. **Biểu tượng** (theo mỹ thuật, sân khấu): là phương tiện sáng tạo nghệ thuật mang ý nghĩa trừu tượng, khái quát. BT tác động chủ yếu đến cảm xúc của người xem. BT còn được coi như là một thủ pháp sáng tạo nghệ thuật. Trực giác của người nghệ sĩ có vai trò rất quan trọng trong quá trình nhận thức một BT. Tùy thuộc những nhận thức khác nhau về BT, người ta có những cảm xúc khác nhau. Cuối thế kỉ 19, ở Châu Âu có

trào lưu BT chủ nghĩa trong văn học và nghệ thuật tạo hình. (Theo “Từ điển bách khoa toàn thư”)

3. **Biểu tượng:**

1. Hình ảnh tượng trưng (vd: Chim bồ câu là biểu tượng của hoà bình).

2. Hình thức của nhận thức, cao hơn cảm giác, cho ta hình ảnh của sự vật còn giữ lại trong đầu óc sau khi tác động của sự vật vào giác quan đã chấm dứt.

3. Kí hiệu bằng hình đồ hoạ trên màn hình máy tính, người sử dụng máy có thể dùng con chuột trở vào đây để chọn một thao tác hoặc một ứng dụng phần mềm nào đó. (Theo “Từ điển Tiếng Việt” – Viện ngôn ngữ học do Hoàng Phê chủ biên)

Trên đây là một số định nghĩa về “biểu tượng”, đây được xem là những định nghĩa thiên về “định nghĩa đặc trưng. Tùy vào từng lĩnh vực khác nhau mà có những định nghĩa về “biểu tượng” khác nhau. Theo cách phân tích đề tài, tôi sẽ chọn định nghĩa “biểu tượng”: biểu tượng là hình ảnh tượng trưng. Tôi có thể nói rõ như sau:

Biểu tượng là sự vật mang tính chất thông điệp được dùng để chỉ ra một cái ở bên ngoài nó, theo một quan hệ ước lệ giữa sự vật trong thông điệp và sự vật ở bên ngoài. Nói khác đi, biểu tượng chính là cái nhìn thấy được mang một kí hiệu dẫn ta đến cái không nhìn thấy được. Biểu tượng là “vật môi giới giúp ta tri giác cái bất khả tri giác” (Đoàn Văn Chúc: “Văn hóa học”, Viện văn hóa, NXB Văn hóa thông tin, 1997)

Tóm lại có thể định nghĩa: “Biểu tượng” là những hình ảnh tượng trưng, được cả một cộng đồng dân tộc cùng chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong một thời gian lâu dài.